

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014**

# NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT

32 Nguyễn Công Trứ, thành phố Vị Thanh

Tỉnh Hậu Giang, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (gọi tắt là “Ngân hàng”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tóm tắt của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đã điều hành Ngân hàng trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Dương Công Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hường	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Nguyễn Đức Cừ	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Huynh	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Thắng	Thành viên
Bà Đỗ Thị Nhiên	Thành viên độc lập

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Doãn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Tô Văn Chánh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2015)
Bà Nguyễn Thu Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Gấm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Sỹ Thắng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 05 tháng 6 năm 2014)
Bà Nguyễn Ánh Vân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Nam Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2014)
Bà Nguyễn Thị Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Gấm	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2014)
Ông Vũ Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phương	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thu Mai	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 4 năm 2014)
Ông Nguyễn Quốc Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2014)
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2014)
Ông Bùi Thái Hà	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2014)
Ông Phạm Hải Âu	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2014)
Ông Dương Trọng Chử	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 8 năm 2014)
Ông Kim Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014)
Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2014)
Ông Dương Công Toàn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2015)


**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tóm tắt từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng đã được kiểm toán. Ban Điều hành xác nhận báo cáo tài chính tóm tắt đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán của Ngân hàng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



  
\_\_\_\_\_  
**Phạm Doãn Sơn**  
**Tổng Giám đốc**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2015*

300 - C  
G TY  
M HỮU H  
DITTE  
NAM  
TP. V



Số: 854/VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt

Báo cáo tài chính tóm tắt kèm theo, từ trang 4 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tóm tắt tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tóm tắt, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tóm tắt cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt (“Ngân hàng”) đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đầy đủ này tại Báo cáo kiểm toán lập ngày 16 tháng 3 năm 2015. Báo cáo tài chính này và báo cáo tài chính tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các tổ chức tín dụng tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính đầy đủ của Ngân hàng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính tóm tắt.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 - “Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt”.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính đầy đủ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng đã được kiểm toán - đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính đầy đủ đã được kiểm toán.



**Khúc Thị Lan Anh**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0036-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 16 tháng 3 năm 2015  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



**Nguyễn Tuấn Anh**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1291-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02/TCTD**

Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>I.</b>	<b>Tiền mặt tại quỹ</b>	<b>3</b>	<b>325.286</b>	<b>206.590</b>
<b>II.</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (NHNN)</b>	<b>4</b>	<b>1.617.624</b>	<b>6.560.356</b>
<b>III.</b>	<b>Tiền gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác</b>	<b>5</b>	<b>9.686.853</b>	<b>11.812.527</b>
1.	Tiền gửi tại các TCTD khác		6.003.362	10.571.763
2.	Cho vay các TCTD khác		3.683.491	1.240.764
<b>IV.</b>	<b>Chứng khoán kinh doanh</b>		<b>1</b>	<b>1</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh		1	1
<b>V.</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>6</b>	<b>-</b>	<b>1.015</b>
<b>VI.</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>40.815.654</b>	<b>28.954.142</b>
1.	Cho vay khách hàng	7	41.289.105	29.548.005
2.	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(473.451)	(593.863)
<b>VII.</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>		<b>36.252.486</b>	<b>22.107.865</b>
1.	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	9.1	34.782.578	21.799.028
2.	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	9.2	1.590.510	357.986
3.	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	10	(120.602)	(49.149)
<b>VIII.</b>	<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>		<b>324.731</b>	<b>24.731</b>
1.	Đầu tư dài hạn khác	11	324.731	24.731
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
<b>IX.</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>1.081.018</b>	<b>809.898</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	12	737.510	479.197
a.	Nguyên giá TSCĐ		1.054.320	697.695
b.	Hao mòn TSCĐ		(316.810)	(218.498)
2.	Tài sản cố định vô hình	13	343.508	330.701
a.	Nguyên giá TSCĐ		386.428	366.527
b.	Hao mòn TSCĐ		(42.920)	(35.826)
<b>X.</b>	<b>Tài sản Có khác</b>		<b>10.698.099</b>	<b>9.117.116</b>
1.	Các khoản phải thu khác	14	6.955.879	6.652.489
2.	Các khoản lãi, phí phải thu		3.197.863	1.836.829
3.	Tài sản Có khác	15	550.772	627.798
	- Trong đó: Lợi thế thương mại		449.843	519.050
4.	Dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		(6.415)	
	<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>100.801.752</b>	<b>79.594.241</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tóm tắt

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02/TCTD  
 Đơn vị: Triệu VND

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>B.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I.</b>	<b>Các khoản nợ Chính phủ và NHNN</b>	<b>16</b>	<b>25.935</b>	<b>19.185</b>
<b>II.</b>	<b>Tiền gửi và vay các TCTD khác</b>	<b>17</b>	<b>12.851.116</b>	<b>15.539.142</b>
1.	Tiền gửi của các TCTD khác		10.520.081	14.060.153
2.	Vay các TCTD khác		2.331.035	1.478.989
<b>III.</b>	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>18</b>	<b>77.819.859</b>	<b>55.553.137</b>
<b>IV.</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	<b>6</b>	<b>45.096</b>	<b>-</b>
<b>V.</b>	<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro</b>	<b>19</b>	<b>1.062.300</b>	<b>27.394</b>
<b>VI.</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>	<b>20</b>	<b>1.606.349</b>	<b>1.184.108</b>
1.	Các khoản lãi, phí phải trả		1.302.722	671.933
2.	Các khoản phải trả và công nợ khác		303.627	501.196
3.	Dự phòng rủi ro khác		-	10.979
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>93.410.655</b>	<b>72.322.966</b>
<b>VII.</b>	<b>Vốn và các quỹ</b>	<b>22</b>	<b>7.391.097</b>	<b>7.271.275</b>
1.	Vốn của TCTD		6.523.331	6.523.331
a.	Vốn điều lệ		6.460.000	6.460.000
b.	Thặng dư vốn cổ phần		63.331	63.331
2.	Quỹ của TCTD		662.740	595.103
3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		205.026	152.841
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>100.801.752</b>	<b>79.594.241</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tóm tắt



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TÓM TẮT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02/TCTD**  
Đơn vị: Triệu VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>I.</b>	<b>Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn</b>	<b>36</b>	<b>5.004.238</b>	<b>1.802.977</b>
1.	Bảo lãnh vay vốn		507.000	507.000
2.	Thư tín dụng		2.331.040	243.841
3.	Bảo lãnh khác		2.166.198	1.052.136
<b>II.</b>	<b>Các cam kết khác</b>		<b>10.749.911</b>	<b>3.340.570</b>
1.	Các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ		7.543.617	2.509.174
2.	Các hợp đồng mua bán ngoại tệ chưa đến hạn		339.936	231.396
3.	Các cam kết khác		2.866.358	600.000

Người lập

Người phê duyệt

  
Nguyễn Thị Gấm  
Kế toán trưởng

  
Phạm Doãn Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tóm tắt

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TÓM TẮT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03/TCTD**

Đơn vị: Triệu VND

STT CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2014	2013
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	6.163.158	6.154.984
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(3.872.312)	(3.856.416)
<b>I. Thu nhập lãi thuần</b>		<b>2.290.846</b>	<b>2.298.568</b>
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		35.527	22.572
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		(342.003)	(234.018)
<b>II. (Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>25</b>	<b>(306.476)</b>	<b>(211.446)</b>
<b>III. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>26</b>	<b>6.312</b>	<b>7.218</b>
<b>IV. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>		<b>(234)</b>	<b>5.903</b>
<b>V. (Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>27</b>	<b>247.563</b>	<b>(15.504)</b>
5. Thu nhập từ hoạt động khác		18.313	57.406
6. Chi phí hoạt động khác		(143.389)	(94.512)
<b>VI. Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác</b>	<b>28</b>	<b>(125.076)</b>	<b>(37.106)</b>
<b>VII. Chi phí hoạt động</b>	<b>29</b>	<b>(1.350.947)</b>	<b>(1.099.889)</b>
<b>VIII. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>761.988</b>	<b>947.744</b>
<b>IX. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>30</b>	<b>(226.820)</b>	<b>(283.342)</b>
<b>X. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>		<b>535.168</b>	<b>664.402</b>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(68.705)	(98.128)
<b>XI. Chi phí thuế TNDN</b>	<b>31</b>	<b>(68.705)</b>	<b>(98.128)</b>
<b>XII. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>466.463</b>	<b>566.274</b>
<b>XIII. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>32</b>	<b>685</b>	<b>815</b>

Người lập



Nguyễn Thị Gấm  
Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người phê duyệt




Phạm Doãn Sơn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tóm tắt



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 04/TCTD**

Đơn vị: Triệu VND

STT CHỈ TIÊU	2014	2013
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	4.802.124	5.643.553
02. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(3.241.523)	(3.870.122)
03. Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ nhận được	(306.476)	(211.446)
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	215.367	46.766
05. Thu nhập/(Chi phí) khác	(125.076)	(1.821)
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	-	56.088
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(1.236.852)	(1.104.653)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(84.041)	(96.214)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</b>	<b>23.523</b>	<b>462.151</b>
<b>Những thay đổi về tài sản hoạt động</b>	<b>(28.977.811)</b>	<b>880.050</b>
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	(2.442.727)	13.650.091
10. (Tăng)/Giảm các khoản tiền đầu tư về kinh doanh chứng khoán	(12.533.550)	(6.283.246)
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.015	(1.015)
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng	(13.089.458)	(6.593.234)
13. Tăng/(Giảm) nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán và đầu tư dài hạn	(242.069)	(56.108)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(671.022)	163.562
<b>Những thay đổi về công nợ hoạt động</b>	<b>20.459.574</b>	<b>12.915.228</b>
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN	6.750	14.313
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD	(2.688.026)	(742.831)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	22.266.722	14.216.454
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)	-	(300)
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	1.034.906	23.483
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	45.096	(18.419)
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(185.464)	(539.370)
22. Chi từ quỹ của tổ chức tín dụng	(20.410)	(38.102)
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(8.494.714)</b>	<b>14.257.429</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tóm tắt

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TÓM TẮT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 04/TCTD**  
Đơn vị: Triệu VND

STT CHỈ TIÊU	2014	2013
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
01. Mua sắm tài sản cố định	(277.066)	(181.338)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.343	1.209
03. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	(300.000)	-
<b>II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(574.723)</b>	<b>(180.129)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
01. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(323.000)	(646.000)
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(323.000)</b>	<b>(646.000)</b>
<b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(9.392.437)</b>	<b>13.431.300</b>
<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>17.338.709</b>	<b>3.907.409</b>
<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 33)</b>	<b>7.946.272</b>	<b>17.338.709</b>


Người lập



Nguyễn Thị Gấm  
Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người phê duyệt



Phạm Doãn Sơn  
Tổng Giám đốc